

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D17XDD

TÊN HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU 2

HỌC KỲ 1

MÃ HỌC PHẦN: MEC - 212

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 21/10/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	179212891	NGUYỄN HỮU AN	D17XDD	10			5.7		7			4	5.6	Nằm pháy Sài			
2	179212892	DUƠNG VĂN BAN	D17XDD	10			5.2		8.5			4.5	6.0	Sài			
3	179212893	ĐỖ MINH BẢO	D17XDD	10			6.6		7.5			5	6.4	Sài pháy Bấu			
4	179212894	NGUYỄN XUÂN BÌNH	D17XDD	8			0		4			4	4.0	Bấu			
5	179212895	VÕ NHẬT CHUNG	D17XDD	10			4.1		6.5			4.5	5.6	Nằm pháy Sài			
6	179212896	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ CÔNG	D17XDD	4			0		0			V	0.0	Khăng			
7	179212897	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	D17XDD	4			4.4		7			5	5.1	Nằm pháy Mất			
8	179212898	HUỖNH NGỌC DẪN	D17XDD	8			4.7		7			4	5.2	Nằm pháy Hai			
9	179212900	NGUYỄN MẠNH DŨNG	D17XDD	10			5.4		9.5			5	6.5	Sài pháy Nằm			
10	179212901	NGUYỄN HỒNG GIANG	D17XDD	8			5.4		6			5	5.7	Nằm pháy Báy			
11	179212902	NGUYỄN HẢI	D17XDD	10			6.4		6.5			4.5	5.9	Nằm pháy Chên			
12	179212903	TRƯƠNG THANH HẠNH	D17XDD	10			6		8.5			4	5.9	Nằm pháy Chên			
13	179212904	VÕ HOÀNG HIỆU	D17XDD	10			6.1		6			5.5	6.3	Sài pháy Ba			
14	179212905	NGUYỄN THANH HOÀI	D17XDD	8			5.1		4			4	4.8	Bấu pháy Tằm			
15	179212906	LÊ NGỌC HOÀNG	D17XDD	10			5.4		7			5	6.1	Sài pháy Mất			
16	179212907	PHẠM DUY HUY HOÀNG	D17XDD	8			6		6			4	5.2	Nằm pháy Hai			
17	179212908	TRẦN VŨ HOÀNG	D17XDD	10			5.5		9			5	6.4	Sài pháy Bấu			
18	179212909	NGUYỄN THỊ THANH HỒNG	D17XDD	8			5.6		9.5			4.5	5.9	Nằm pháy Chên			
19	179212910	HOÀNG VĂN HÙNG	D17XDD	6			0		8			5	4.9	Bấu pháy Chên			
20	179212911	NGUYỄN VĂN HÙNG	D17XDD	10			6.2		5			4.5	5.7	Nằm pháy Báy			
21	179212912	NGUYỄN HỮU HUY	D17XDD	10			6.4		7			5.5	6.5	Sài pháy Nằm			
22	179212913	LÊ ĐỨC KHÁNH	D17XDD	10			5.5		4			4	5.1	Nằm pháy Mất			
23	179212914	PHAN QUỐC KHÁNH	D17XDD	8			5.1		6.5			1	0.0	Khăng			
24	179212915	NGUYỄN THÀNH KHOA	D17XDD	10			5.4		7.5			3	0.0	Khăng			
25	179212916	BÙI NGỌC LIÊU	D17XDD	10			6.1		5			4	5.4	Nằm pháy Bấu			
26	179212917	VÕ THỊ THÚY LIÊU	D17XDD	10			5.2		9			4	5.8	Nằm pháy Tằm			
27	179212918	HUỖNH DUY LINH	D17XDD	6			5.2		5			1	0.0	Khăng			
28	179212919	TRẦN VĂN LINH	D17XDD	10			6		6.5			2	0.0	Khăng			
29	179212920	CHÂU HẢI LONG	D17XDD	10			5.1		5.5			5.5	6.1	Sài pháy Mất			
30	179212921	DUƠNG HOÀNG LONG	D17XDD	10			5.8		9			2.5	0.0	Khăng			
31	179212922	TÔNG VIỆT LONG	D17XDD	10			5		6			2.5	0.0	Khăng			
32	179212923	TRẦN ĐÌNH NAM	D17XDD	10			5.5		6			4.5	5.7	Nằm pháy Báy			
33	179212924	NGUYỄN VĂN NGỌC	D17XDD	10			8		7.5			2.5	0.0	Khăng			
34	179212925	NGUYỄN HUY PHÚC	D17XDD	10			5.5		6			2	0.0	Khăng			
35	179212926	ĐỒNG PHƯỚC QUÂN	D17XDD	6			4.2		3			1	0.0	Khăng			
36	179212927	LÊ PHƯỚC QUANG	D17XDD	8			3.8		3			0	0.0	Khăng			
37	179212928	NGUYỄN THỊ BÍCH QUYÊN	D17XDD	10			8.5		8.5			5.5	7.1	Báy pháy Mất			
38	179212929	MAI BA BÁ SƠN	D17XDD	8			6.8		9			5	6.3	Sài pháy Ba			
39	179212930	TRẦN ĐỨC TÀI	D17XDD	6			5.5		8			2	0.0	Khăng			
40	179212931	NGUYỄN THANH TÂN	D17XDD	2			1.5		2.5			1	0.0	Khăng			

Ngày thi: 21/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
41	179212932	PHAN THANH	TẶNG	D17XDD	10			5.8		5.5			2	0.0	Khăng	
42	179212933	NGUYỄN ĐĂNG	TÂY	D17XDD	0			0		0			V	0.0	Khăng	
43	179212934	NGUYỄN VĂN	THANH	D17XDD	8			5.9		8			4	5.5	Nằm pháy Nằm	
44	179212935	NGUYỄN VĂN	THÀNH	D17XDD	10			5.3		5			1	0.0	Khăng	
45	179212936	ĐỖ MINH	THIÊN	D17XDD	10			5.4		6			4	5.4	Nằm pháy Bấu	
46	179212937	NGÔ HỮU	TIẾN	D17XDD	10			4.8		6.5			3	0.0	Khăng	
47	179212938	LÊ NHẬT	TÍNH	D17XDD	0			0		0			V	0.0	Khăng	
48	179212939	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	D17XDD	10			4.6		6			4	5.3	Nằm pháy Ba	
49	179212940	NGUYỄN VĂN	TUẤN	D17XDD	10			6.4		7.5			3	0.0	Khăng	
50	179212941	LÊ THANH	TÙNG	D17XDD	8			3.7		7.5			4.5	5.4	Nằm pháy Bấu	
51	179212942	PHAN QUỐC	VIỆT	D17XDD	8			3.4		7			2.5	0.0	Khăng	
52	179212943	TRẦN DIỆU	VŨ	D17XDD	6			4.4		6.5			2	0.0	Khăng	
53	179212944	HOÀNG MINH	VƯƠNG	D17XDD	10			5.6		7.5			4	5.7	Nằm pháy Bấy	
54	179212945	NGUYỄN THÀNH	VƯƠNG	D17XDD	2			2		2			V	0.0	Khăng	
55	179212946	BÙI XUÂN	NGHĨA	D17XDD	10			3.2		3			2	0.0	Khăng	
56	179212947	NGUYỄN THẾ	PHƯƠNG	D17XDD	0			2.8		0			V	0.0	Khăng	
1	0070	TRƯƠNG THÀNH	NAM	D15XDD	8			5		4			2	0.0	Khăng	
2	0075	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	D15XDD	10			4.4		3.5			2.5	0.0	Khăng	
3	4703	TRẦN NGỌC	ANH	K13XDC	6			4.7		6			1	0.0	Khăng	
4	4707	NGUYỄN VĂN	CANG	K13XDC	10			6		6.5			4	5.6	Nằm pháy Sầu	
5	4720	ĐÌNH TRUNG	HIẾU	K13XDC	10			4		6			4	5.2	Nằm pháy Hai	
6	4735	NGUYỄN THẾ	MẠNH	K13XDC	10			5.3		7			1	0.0	Khăng	
7	4765	LÊ VĂN	TUẤN	K13XDC	10			4.4		7			4	5.4	Nằm pháy Bấu	
8	4405	HOÀNG ĐỨC	ẢNH	K13XDD	10			5.4		8.5			4.5	6.1	Sầu pháy Mất	
9	4478	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K13XDD	10			6.4		8			7	7.5	Bấy pháy Nằm	
10	4591	PHAN THANH	TRUNG	K13XDD	8			4.7		7.5			4	5.2	Nằm pháy Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	38	58%	
2	Số sinh viên nợ	28	42%	
TỔNG CỘNG :		66	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú